

Bản án số: 423/2023/DSPT
Ngày 10/4/2023
V/v “Bồi thường thiệt hại do công
trình xây dựng gây ra”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Mỹ Nhung
2. Ông Uông Văn Tuấn

Thư ký Tòa án: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/DSPT ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc: “Bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra”.

Do bản án số 155/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận 4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 611/2023/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3299/2023/QĐPT-DS ngày 24/03/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1965;

1.2 Bà Bùi Thị H, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Đường B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1983 (giấy ủy quyền số 000382, quyền số 01/2021/HĐGD-CCBN ngày 12/01/2021);

Địa chỉ: 211 Quốc lộ K, Phường C, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: Đường D, Phường V, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1993 (giấy ủy quyền số 77/2019/UQ-HiTC ngày 11/11/2019). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần F.

Địa chỉ: Đường D, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1979 (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H trình bày:

Ngày 31/08/2015, Công ty cổ phần H (gọi tắt công ty H) được phép xây dựng công trình “Phần thân của công trình chung cư kết hợp thương mại dịch vụ”. Trong quá trình thi công đã làm hư hỏng nghiêm trọng căn nhà của ông, bà thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ Đường B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: Vị trí ngoài sân, La phong trần mái bị bể với kích thước khoảng 0.5m x 2m, đồng thời xuất hiện các vết nứt tại vị trí cột và vách tường, chiều dài khoảng 1m. Tại tầng trệt xuất hiện hai vết nứt trên trần mái, gần hai bên cửa chính, dài khoảng 0,5m. Mặt ngoài cửa phòng xuất hiện hai vết nứt dài khoảng 10-50cm. (iv) Bên trong phòng xuất hiện bốn vết nứt dài khoảng 0,6-1m. Trong phòng bếp, nền nhà bị sụt lún một phần, đồng thời xuất hiện nhiều vết nứt lớn, vết nứt lớn nhất có chiều dài khoảng 2cm, rộng 4cm. Nhà vệ sinh cũng xuất hiện vết nứt có chiều dài hơn 2m, rộng 2cm. Tầng lửng có vết nứt trên La phong.

Cuối năm 2015, công ty H có qua sửa chữa, khi nhà ông, bà có hiện tượng lún, nứt ông, bà có báo cho công ty và kiến nghị đến Ủy ban nhân dân phường và có lập biên bản ghi nhận nhà ông, bà bị hư hại. Ông, bà đã phải di chuyển đến nơi ở khác để đảm bảo an toàn. Nay ông bà yêu cầu Tòa án buộc công ty H phải bồi thường cụ thể: Tiền thuê nhà từ ngày 15/01/2017 đến ngày 15/01/2019 là 120 triệu đồng. Tiền di dời đồ đạc là 10 triệu đồng. Tiền sửa chữa nhà 110 triệu đồng. Tiền mất thu nhập là 60 triệu đồng. Tổng cộng là 300 triệu đồng.

Tại bản tự khai ngày 16/08/2022: Mặc dù công ty F đã đến sửa chữa và được ông bà xác nhận. Tuy nhiên, do công trình kéo dài nhiều năm, cho nên việc sửa chữa không thay đổi được tình trạng và sức chịu đựng của căn nhà. Do vậy, ngày 15/07/2022. Công ty H cho rằng đã khắc phục, sửa chữa và bồi thường là chưa đúng với hiện trạng cũng như kết luận giám định đã xác định nguyên nhân gây ra hư hỏng nhà của ông bà là do công trình liền kề G đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh gây ra.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2019, ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu. Ngày 15/07/2022, người đại diện của ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H đồng ý với biên bản giám định kết luận chi

phí khắc phục hư hỏng là 243.905.000 đồng. Ngoài ra còn yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà 5 triệu đồng/tháng tính từ ngày 15/01/2017 đến khi khắc phục xong hư hỏng, tiền di dời đồ đạc là 10 triệu đồng, tiền mất thu nhập là 60 triệu đồng. Đồng thời, yêu cầu công ty H cung cấp chứng cứ thể hiện biên bản giám định không đúng và đề nghị không đưa công ty F vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Bởi vì, theo quy định của pháp luật thì nghĩa vụ bồi thường trực tiếp do công trình gây ra là chủ đầu tư, chủ sở hữu.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/11/2019; ngày 16/08/2022; ngày 29/08/2022 ông, bà và người đại diện theo ủy quyền không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa án thu thập thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng K và người đại diện theo uỷ quyền rút yêu cầu đòi bồi thường tiền sửa chữa nhà 110.000.000 đồng, tiền mất thu nhập là 60.000.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng K và người đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bồi thường: Tiền di dời đồ đạc là 10.000.000 đồng. Tiền thuê nhà là 01 năm theo hợp đồng (5.000.000 đồng/tháng x 12 = 60.000.000 đồng). Tiền khắc phục hư hỏng là 243.905.000 đồng theo biên bản kết luận giám định. Tổng cộng là 313.000.000 đồng.

2. Bị đơn Công Ty cổ phần H trình bày: Ý kiến về kết quả kiểm định: Kết luận kiểm định công trình ghi nhận “Trong đó tác động của công trình xây dựng mới liền kề công trình liền kề G đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là nguyên chính làm xuất hiện các hư hỏng và nghiêng lún căn nhà số 277/22, đường Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh” là không khách quan, không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của công ty H, cho nên công ty H không đồng ý với kết quả kiểm định. Tại thời điểm xây dựng công trình G, đơn vị thi công là công ty F đã sửa chữa, bồi thường cho các hộ lân cận bị ảnh hưởng bởi dự án nêu trên trong đó có nhà của ông Nguyễn Trọng K. Như vậy, nghĩa vụ bồi thường do công trình gây ra đã được công ty F bồi thường. Từ năm 2017 đến năm 2021 có nhiều nhà xây mới, công ty H cho rằng đó mới là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới nhà ông K bị hư hỏng về sau này.

Yêu cầu đưa công ty F vào tham gia tố tụng: Bởi vì, công ty H là chủ đầu tư, tuy nhiên công ty H đã thuê công ty F thi công toàn bộ công trình: Căn cứ Điều 11.2 khoản h Hợp đồng kinh tế số 2301/HĐKT-2015 ngày 23/01/2015 giữa công ty H và công ty F có nội dung “...Bồi thường toàn bộ thiệt hại kể cả chi phí pháp lý cho bên thứ ba nếu nguyên nhân xác định được do lỗi thi công của nhà thầu. Sau khi nhà thầu đã thực hiện xong và rút đi, nếu phát sinh thiệt hại cho bên thứ ba mà nguyên nhân được cơ quan chức năng xác định do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường liên đới”. Căn cứ

Điều 11.2 khoản 0 Hợp đồng thi công xây dựng số 2807/HĐKT-2016 ngày 28/07/2016 giữa công ty H và công ty F có nội dung “...Nhà thầu thi công có trách nhiệm đảm bảo thuận lợi cho các bên liên quan làm việc và phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn, hư hại cho các công trình lân cận hay cho bên thứ ba do hoạt động thi công của mình”. Căn cứ Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015 “...Khi người thi công có lỗi trong việc để nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra thiệt hại thì phải liên đới bồi thường”.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2019, công ty H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H. Ngày 15/07/2022, công ty H không đồng ý với biên bản giám định và yêu cầu đưa công ty F tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan, vì công ty F là người thi công nên có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do công trình gây ra.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/08/2022, ngày 29/08/2022 công ty H vắng mặt.

Tại phiên tòa: Công ty H không đồng ý với kết quả giám định, nhưng không yêu cầu giám định lại và yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì công ty F đã sửa chữa, khắc phục hậu quả cho căn nhà của nguyên đơn. Về tiền di dời, thuê nhà nguyên đơn có hợp đồng thuê nhà hay không, nếu không chứng minh được thì đề nghị Tòa án bác yêu cầu này. Trong trường hợp, Tòa án xác nhận thiệt hại có xảy ra thì công ty H chỉ chấp nhận tiền sửa chữa hư hao tài sản tại đơn khởi kiện là 110.000.000 đồng và yêu cầu công ty F liên đới bồi thường theo tỷ lệ 1/2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công Ty cổ phần F trình bày: Công ty F không đồng ý với kết quả giám định, nhưng không yêu cầu giám định lại và đề nghị Tòa án xác định nguyên nhân xảy ra hiện tượng nghiêng lún căn nhà của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Áp dụng điều 244 khoản 2 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H đòi bồi thường tiền sửa chữa nhà 110 triệu đồng và tiền mất thu nhập 60 triệu đồng.

2. Áp dụng điều 26 khoản 2, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm c Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Công Ty cổ phần H cùng Công Ty cổ phần F phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H tổng số tiền là 313.905.000 (Ba trăm mười ba triệu chín trăm lẻ năm ngàn) đồng. Cụ thể là:

2.1 Công Ty cổ phần H phải bồi thường cho ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H số tiền là 156.952.500 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm năm mươi hai ngàn năm trăm) đồng

2.2 Công Ty cổ phần F phải bồi thường cho ông Nguyễn Trọng K và bà Bùi Thị H số tiền là 156.952.500 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm năm mươi hai ngàn năm trăm) đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H; Công ty Cổ phần F cùng thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại, hư hỏng do Công trình xây dựng của Công ty Cổ phần H đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H số tiền là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Về án phí DSST: Nguyên đơn tự nguyện chịu 50% án phí, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện chịu 50% án phí.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu đối với số tiền tạm ứng giám định là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo phiếu thu số PT-0258 ngày 17/11/2021 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa cụ thể: Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại, hư hỏng do Công trình xây dựng của Công ty Cổ phần H đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H số tiền là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu đối với số tiền tạm ứng giám định là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo phiếu thu số PT-0258 ngày 17/11/2021 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn. Nguyên đơn đã đóng đủ tiền chi phí tố tụng.

Về án phí DSST: Nguyên đơn tự nguyện chịu 50% án phí, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện chịu 50% án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý

kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F làm trong hạn luật định được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án cụ thể như sau:

[2.1] Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F tự nguyện cùng liên đới bồi thường thiệt hại, hư hỏng do Công trình xây dựng của Công ty Cổ phần H đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tại căn nhà Đường B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng (Trong đó: Công ty Cổ phần H là 110.000.000 đồng và Công ty Cổ phần F là 110.000.000 đồng).

[2.2] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tự nguyện chịu đối với số tiền tạm ứng giám định là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo phiếu thu số PT-0258 ngày 17/11/2021 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn. Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị đã đóng đủ tiền chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 155/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

[1] Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F tự nguyện cùng liên đới bồi thường thiệt hại, hư hỏng do Công trình xây dựng của Công ty Cổ phần H đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tại căn nhà Đường B, phường A, Quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng, (Trong đó: Công ty Cổ phần H 110.000.000 đồng và Công ty Cổ phần F là 110.000.000 đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần H và Công ty Cổ phần F chậm thi hành thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tự nguyện chịu 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0009770 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

[2.2] Công ty Cổ phần H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

[2.3] Công ty Cổ phần F tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H tự nguyện chịu đối với số tiền tạm ứng giám định là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo phiếu thu số PT-0258 ngày 17/11/2021 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn. Ông Nguyễn Trọng K, bà Bùi Thị H đã đóng đủ tiền chi phí tố tụng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

[4.1] Công ty Cổ phần H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009279 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Công ty Cổ phần F phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009270 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần F đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Đương sự có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30 và 31 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 4;
- TAND Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Việt Hồng